

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24-03-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Chí Tâm.

2. Ông Thạch Na Rét.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đào Thị N**, sinh năm 2002, CCCD số: 094302010800; Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Hứa Tuấn T**, sinh năm 1997, CCCD số: 094097012177; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Đào Thị N và anh Hứa Tuấn T đăng ký kết hôn vào ngày 04-01-2024 tại Ủy ban Nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng rất hạnh phúc. Tuy nhiên, hiện nay chị N nhận thấy cả hai không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên muốn trả tự do cho nhau. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2024, có 01 con chung là cháu Hứa Thiên P, sinh ngày 30-9-2024, đang sống chung với chị Đào Thị N. Tài sản chung, nợ chung đều không có.

Nay chị Đào Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Tuấn T.

- Về con chung: Yêu cầu giao cháu Hứa Thiên P, sinh ngày 30-9-2024 cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh Hứa Tuấn T cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu Hứa Thiên P đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Hứa Tuấn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hứa Tuấn T, thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, nhưng anh Hứa Tuấn T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng cho con; không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Đào Thị N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Hứa Tuấn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Hứa Tuấn T đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, chị Đào Thị N cho rằng vợ chồng không hợp nhau, đã sống ly thân hơn 01 năm, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Chị Đào Thị N và anh Hứa Tuấn T có 01 con chung chưa thành niên là cháu Hứa

Thiên P, sinh ngày 30-9-2024, đang sống chung với chị Đào Thị N, tình cảm gắn bó với mẹ, điều kiện sống được đảm bảo. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề thông báo cho anh Hứa Tuấn T biết yêu cầu về việc giao con chung cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh Hứa Tuấn T không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Hứa Thiên P chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu Hứa Thiên P cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Hứa Tuấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Nguyên đơn chị Đào Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết anh Hứa Tuấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Hứa Tuấn T không có ý kiến gì về việc này. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con chưa thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về mức cấp dưỡng: Kèm theo yêu cầu cấp dưỡng, nguyên đơn không đưa ra căn cứ xác định chi phí nuôi dưỡng, học tập của con; thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là 1.500.000 đồng/tháng, thấp hơn mức tối thiểu quy định (bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con), tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đây là sự tự định đoạt của nguyên đơn theo hướng có lợi hơn đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về thời gian thực hiện cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ xác định được thời điểm vợ chồng ly thân, không xác định được thời điểm cụ thể làm căn cứ phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của anh Hứa Tuấn T và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào ngày tuyên án sơ thẩm, là thời điểm giải quyết giao con cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, để xác định thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên của anh T là từ ngày 24-3-2026 cho đến khi cháu Hứa Thiên P đủ 18 tuổi.

[9] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Dương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Hứa Tuấn T được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hứa Thiên P, sinh ngày 30-9-2024 cho chị Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hứa Tuấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Hứa Tuấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hứa Thiên P, sinh ngày 30-9-2024. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính kể từ ngày 24-3-2026 cho đến khi cháu Hứa Thiên P đủ 18 tuổi, địa điểm thực hiện do các bên tự thỏa thuận hoặc tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012092 ngày 11-12-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn anh Hứa Tuấn T phải chịu án phí 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- UBND xã Tân Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm